TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Đỗ Tấn Trường
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Văn Khách
Ông Nguyễn Sỹ Luận

- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị Duyên -Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2022/TLST-HN&GĐ ngày 11/10/2022 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/02/2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Phan Thị Huyền Tr, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn P, Xã P, Thị xã P, Tỉnh Bình Phước;

+ Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Đ, Xã P, Huyện P, Tỉnh Bình Phước;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị Huyền Trang trình bày*:*

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Trần Văn M tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã p, Huyện p, Tỉnh Bình Phước vào ngày 19/12/2014.

Qúa trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về tính cách, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không đạt được mục đích chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn M.

[2] *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Bảo Kh, sinh năm 2015. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung. Không yêu cầu cấp dưỡng.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn M: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc nhưng ông Trần Văn M vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Huyền Tr. Về con chung thì giao cháu Trần Bảo Kh, sinh năm 2015 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*:

Bà Phan Thị Huyền Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Trần Văn M có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, Xã P, Huyện P, Tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn". Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Huyền Tr vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn M vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[a] Xét yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Huyền Tr, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa bà Tr, ông M là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 19/12/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã P, Huyện P, Tỉnh Bình Phước.

Theo bà Tr, hôn nhân giữa bà với ông M phát sinh mâu thuẫn, hiện cả hai đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho bà Tr các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để bà Tr đoàn tụ tiếp tục chung sống với ông M. Tuy nhiên, bà Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân với ông M, bà Tr cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà Tr và ông M đã trở lên trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr, bà Tr được ly hôn với ông M.

[b] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr với ông M có 01 con chung là cháu Trần Bảo Kh, sinh năm 2015. Khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần.

Bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi con, quá trình giải quyết vụ án ông M không có ý kiến, yêu cầu đối với các vấn đề bà Tr khởi kiện. Cháu Kh hiện đang sống với bà Tr và có nguyện vọng được sống chung với bà Tr. Do đó, để đảm bảo môi trường ổn định giúp cháu Kh phát triển tốt về tâm sinh lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Kh cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung bà Tr không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Bà Phan Thị Huyền Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Huyền Tr;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Huyền Tr được ly hôn với ông Trần Văn M. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Huyền Tr và ông Trần Văn M chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo Kh, sinh năm 2015 cho bà Phan Thị Huyền Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Kh trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phan Thị Huyền Tr phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015849 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Tấn Trường